

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2019

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tám;

Ông Huỳnh Ngọc Trứ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Phong Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 373/2018/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1/- Nguyên đơn: chị **Trần Thị Phương L**, sinh năm 1982;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện B, tỉnh Tiền Giang.

2/- Bị đơn: anh **Trần Minh Đ**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: ấp P, xã L, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Chị L có mặt tại phiên tòa, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Phương L trình bày: Chị và anh Trần Minh Đ xác quan hệ vợ chồng vào năm 2000 trên cơ sở quen biết và tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ Hòa Hiệp cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/7/2004. Chị và anh Đ chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh Đ không chung thủy nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc, đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay.

Về con chung: giữa chị và anh Đ có 02 con chung tên Trần Đông V sinh ngày 22/10/2003 và Trần Thiên T sinh ngày 13/6/2012, hiện các cháu sống với anh Đ.

Những vấn đề chị L yêu cầu Tòa án giải quyết: chấp nhận cho chị được ly hôn với anh Đ, giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng.

Tài liệu, chứng cứ chị L đã giao nộp: 01 Giấy chứng nhận kết hôn số 73/2004 của Ủy ban nhân dân xã Đ Hòa Hiệp cấp ngày 16/7/2004; 01 bản sao giấy khai sinh cháu Trần Đ Vy và 01 bản sao giấy khai sinh cháu Trần Thiên Thanh.

* Bị đơn, anh Trần Minh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không tham gia phiên hòa giải đoàn tụ.

* Tại phiên tòa:

- Chị Trần Thị Phương L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xác định tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Đ không hòa giải hàn gắn được, chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ, giao 02 con chung cho anh Đ nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

- Anh Trần Minh Đ vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy tham gia phiên tòa xác định: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự chưa phát hiện vi phạm nên không kiến nghị gì. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, ghi nhận chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Trần Minh Đ là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Đ.

[2]. Thấy rằng: Giữa chị Trần Thị Phương L và anh Trần Minh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ , huyện B.

Tại phiên tòa, chị L xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do anh Đ không chung thủy, vợ chồng thường xuyên tranh cãi, tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh Đ.

Anh Đ không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị L và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án chứng tỏ anh không còn quan tâm gì đến tình trạng hôn nhân giữa anh và chị L.

Hội đồng xét xử căn cứ lời trình bày của chị L xác định về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của chị L và anh Đ không còn khả năng hàn gắn và chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh Đ là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình

[3]. Về con chung: Giữa chị L và anh Đ có 02 con chung hiện đang sống chung với anh Đ. Chị L đồng ý tiếp tục giao 02 con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Cháu Trần Đông V có bản khai thể hiện nguyện vọng được sống với anh Đ. Anh Đ không có ý kiến gì về việc nuôi con chung.

Thấy rằng: Hai cháu V và T hiện đang sống ổn định với anh Đ, nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình tiếp tục giao 02 cháu Vy và Thanh cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Tuy anh Đ chưa có yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nhưng chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung: chị L không yêu cầu giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử ghi nhận nên không phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[7]. Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ vào:**

- Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Xử:**

1. Chấp nhận cho chị Trần Thị Phương L được ly hôn với anh Trần Minh Đ.
2. Giao cháu 02 cháu Trần Đông V sinh ngày 22/10/2003 và Trần Thiên T sinh ngày 13/6/2012 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận chị L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 01933 ngày 05/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang nên chị L không phải nộp tiếp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Anh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TX Cai Lậy;
- Chi cục THADS TX Cai Lậy;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỒ THỊ ÁNH TUYẾT